TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/KDTM-ST
Ngày: 27/6/2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng gia công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thanh Ngọc.

Các hội thẩm dân nhân: Ông Bùi Quang Hợi và ông Đào Đức Phú.

***Thư ký phiên toà*:** Bà Nông Kim Huệ - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/TLST - KDTM ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH A; Địa chỉ: Lô FJ – KCN Song Khê, Nội Hoàng, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông K - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Chị Võ Thị An B, sinh năm 1982; HKTT: phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Hiện trú tại: Số 9, đường Hoàng Văn Thụ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Giấy ủy quyền ngày 05/02/2024, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Bích L – Luật sư Văn phòng luật sư H, đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH L; Địa chỉ: Lô N-7-1, khu Công nghiệp Quế Võ (khu vực mở rộng), phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông S – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại Tòa án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn do bà Võ Thị An B trình bày:

Công ty TNHH A (Sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH L (sau đây gọi tắt là Công ty L) có ký hợp đồng thuê gia công số 20200601-LIMKR/APS ngày 01/6/2020 về việc Công ty A gia công bản mạch điện tử cho Công ty L với thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các chứng từ tài chính hợp lệ và hợp đồng nguyên tắc số 01012021/APS-LIM ngày 01/01/2021 về việc mua bán hàng hoá, Công ty A cung cấp hàng hóa là các loại sản phẩm băng dính, tape cho Công ty L với thời gian thanh toán là 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, sau nhiều lần gia công hàng hóa, giao hàng và xuất hóa đơn cho Công ty L, thời điểm cuối cùng giao hàng và xuất hóa đơn là tháng 3/2022 và tổng số tiền hàng, tiền công gia công hàng hóa mà Công ty L còn nợ Công ty A là 6.283.872.670 đồng. Số nợ này đã được hai bên thống nhất ghi nhận tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2022 và biên bản thỏa thuận thanh toán ngày 30/8/2022. Tại biên bản thỏa thuận thanh toán Công ty A đồng ý giảm giá cho Công ty L số tiền 2.759.963.744 đồng và được trừ vào số tiền chưa thanh toán là 6.283.872.670 đồng, số tiền còn phải thanh toán là 3.523.908.926 đồng và thanh toán 02 lần cụ thể: Ngày 31/8/2022 trả 2.466.736.248 đồng; Ngày 31/12/2023 trả 1.057.172.678 đồng. Trường hợp Công ty L không thực hiện đúng thời hạn thanh toán thì Công ty A có thể yêu cầu Công ty L hoàn trả số tiền đã giảm giá là 2.759.963.744 đồng và thỏa thuận ngày 31/8/2022 bị vô hiệu.

Tuy nhiên, sau đó phía Công ty L chỉ thanh toán lần thứ 1 vào ngày 07/9/2022 số tiền 2.466.736.248 đồng, đến hạn thanh toán lần 2 vào ngày 31/12/2023 số tiền trả 1.057.172.678 đồng thì phía Công ty L không thanh toán dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu thanh toán. Sau khi Công ty A khởi kiện, đến ngày 03/4/2024 Công ty L mới thanh toán số tiền 1.057.172.678 đồng là vi phạm thỏa thuận ngày 31/8/2022 nên Công ty A không đồng ý giảm giá cho Công ty L và thỏa thuận ngày 31/8/2022 vô hiệu.

Vậy, Công ty A yêu cầu Công ty L thanh toán số tiền hàng và tiền công gia công hàng hóa theo hợp đồng thuê gia công số 20200601-LIMKR/APS ngày 01/6/2020 và hợp đồng nguyên tắc số 01012021/APS-LIM ngày 01/01/2021 còn nợ là 2.759.963.744 đồng và tiền lãi chậm trả 10% từ ngày 30/6/2021 tính đến ngày 02/02/204 là 1.279.750.332 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là: 4.039.714.076 đồng

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2024 chị Hồ Thị Thanh Thủy – kế toán và ông Jung Kim Sek – quản lý sản xuất Công ty L cho biết: Đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Sin Jeong Min – chức vụ Tổng giám đốc đã về Hàn Quốc. Ông Sin Jeong Min vẫn điều hành Công ty từ xa bằng các thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính mà không ủy quyền cho ai tại Việt Nam để điều hành mà chỉ ủy quyền cho người khác phụ trách sản xuất và thỉnh thoảng ông mới sang Việt Nam. Công ty đã nhận được Thông báo thụ lý, văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân

thành phố Bắc Ninh và đã thông báo lại cho ông Sin Jeong Min. Ông Sin Jeong Min đã biết việc Công ty TNHH A khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Ông Sin Jeong Min xác nhận số tiền hàng và tiền thuê gia công còn nợ đối với Công ty A theo biên bản thỏa thuận thanh toán ngày 30/8/2022 và phía Công ty L đã thanh toán được số tiền 2.466.736.248 đồng ngày 31/8/2022, số tiền còn nợ là 1.057.172.678 đồng sẽ thanh toán vào cuối tháng 3/2024.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Công ty TNHH L thanh toán số tiền hàng, tiền công còn nợ là 2.759.963.744 đồng. Về lãi suất chậm trả, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty L thanh toán lãi suất chậm trả là 10% trên số tiền hàng còn nợ kể từ ngày 01/7/2022 tính đến hết ngày 27/6/2024. Cụ thể:

Từ ngày 02/7/2022 đến ngày 07/9/2022, tiền lãi trên số nợ gốc 6.283.872.670 đồng là 113.339.255 đồng.

Từ ngày 08/9/2022 đến ngày 03/4/2024, tiền lãi trên số nợ gốc 3.817.136.322 đồng là 599.761.008 đồng.

Từ ngày 04/4/2024 đến hết ngày 27/6/2024, tiền lãi trên số nợ gốc 2.759.963.644 đồng là 64.273.127 đồng.

Tổng nợ gốc và lãi là 3.537.337.134 đồng.

Bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo quy định pháp luật.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chưa chấp hành đầy đủ những quy định của bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và phiên tòa xét xử

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH L phải trả cho Công ty TNHH A tổng số tiền là: 3.537.337.134 đồng, trong đó:

Số tiền nợ gốc là: 2.759.963.744 đồng.

Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02/7/2022 đến hết ngày 27/6/2024 là: 777.373.390 đồng.

Công ty TNHH L tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 kể từ ngày 28/6/2024 đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại Tòa án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa Công ty TNHH APSVINA và Công ty TNHH L phát sinh từ hợp đồng thuê gia công và hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa là hợp đồng kinh tế. Vì vậy, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng gia công" theo Điều 24 Luật thương mại nên yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Công ty TNHH L có trụ sở tại phường Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/8/2022 Công ty TNHH L và Công ty A VINA lập biên bản thỏa thuận thanh toán và thỏa thuận lần thanh toán cuối cùng là ngày 31/12/2023.Thời hiệu khởi kiện vụ án tranh chấp thương mại là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm. Ngày 23/02/2024 Công ty A VINA khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 319 Luật thương mại.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về chủ thể: Xét hợp đồng thuê gia công số 20200601-LIMKR/APS ngày 01/6/2020 và hợp đồng nguyên tắc số 01012021/APS-LIM ngày 01/01/2021 được ký người đại diện theo pháp luật của Công ty A VINA và Công ty L là những người đủ năng lực dân sự, việc ký hợp đồng là tự nguyện, mục đích hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Vậy, giao kết 02 hợp đồng giữa hai bên theo quy định tại Điều 3, Điều 24 Luật Thương mại có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng:

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A VINA đã cung cấp đủ số lượng hàng hóa và thực hiện việc gia công hàng hóa cho Công ty L có tổng giá trị là 27.599.637.443 đồng. Tất cả các đơn hàng, công việc Công ty A VINA đều đã xuất hóa đơn gửi cho Công ty L. Công ty L không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì và Công ty L đã thanh toán cho Công ty A VINA tổng số tiền là 21.315.764.773 đồng.

Về việc xác nhận công nợ: Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2022 và biên bản thỏa thuận thanh toán giữa Công ty L và Công ty A VINA thì Công ty L xác nhận còn nợ Công ty A VINA tính đến ngày 25/8/2022 là 6.283.872.670 đồng. Theo biên bản thỏa thuận thanh toán thì phía Công ty A đồng ý giảm cho Công ty L số tiền 2.759.963.744 đồng và Công ty L thanh toán cho Công ty A số tiền 3.523.908.926 đồng, cụ thể: Ngày 31/8/2022 thanh toán 2.466.736.248 đồng và ngày 31/12/2023 thanh toán 1.057.172.678 đồng. Sau khi hai bên ký biên bản thỏa thuận thanh toán thì ngày 07/9/2022, Công ty L đã thanh toán số tiền 2.466.736.248 đồng.Tuy nhiên, đến ngày 03/4/2024 Công ty L mới thanh toán số tiền còn lại là 1.057.172.678 đồng là vi phạm biên bản thỏa thuận thanh toán. Như vậy, Công ty A yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền hàng, tiền công còn nợ được giảm giá theo thỏa thuận là 2.759.963.744 đồng là có căn cứ theo Điều 50 Luật thương mại nên được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tiền lãi chậm trả:

Công ty A yêu cầu Công ty L thanh toán tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Xét đây là hợp đồng thương mại nên cần áp dụng Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn về Luật thương mại để giải quyết vụ án. Theo Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì Công ty L phải thanh toán lãi suất chậm thanh toán cho Công ty A theo lãi suất quá hạn áp trung bình của 03 Ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoài thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán để quyết định mức lãi suất chậm trả. Theo Công văn của Ngân hàng thì lãi suất quá hạn trung bình của ba Ngân hàng cao hơn lãi suất chậm trả mà phía nguyên đơn yêu cầu. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Tại đơn khởi kiện, bị đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 30/6/2021. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính tiền lãi chậm trả kể từ sau ngày hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2022 tạm tính đến hết ngày xét xử 27/6/2024 và tiếp tục phải trả tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại thông báo số 02TB/APS-LIMKR ngày 07/9/2022, Công ty A gửi Công ty L thông báo về việc Công ty A sẽ khởi kiện nếu Công ty L chậm thanh toán công nợ và Công ty L còn phải thanh toán lãi suất chậm

thanh toán. Đến ngày 30/8/2022 hai bên thỏa thuận về việc thanh toán thì chỉ yêu cầu số nợ gốc phải thanh toán mà không có tiền lãi chậm thanh toán nhưng do Công ty L vi phạm thỏa thuận nên thỏa thuận này bị bô hiệu. Theo Điều 306 Luật thương mại thì bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Như vậy, Công ty A yêu cầu Công ty L thanh toán tiền lãi chậm trả kể từ ngày hai bên chốt công nợ là tự nguyện nên cần chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận tính lãi chậm trả kể từ ngày 02/7/2022 tính đến hết ngày 27/6/2024, cụ thể như sau:

Tiền lãi kể từ ngày 02/7/2022 đến ngày 07/9/2022 là: 6.283.872.670 đồng x 10%/năm x 02 tháng 05 ngày = 113.339.255 đồng.

Ngày 08/9/2022 Công ty L thanh toán 2.466.736.348 đồng. Số tiền lãi kể từ ngày 08/9/2022 đến ngày 03/4/2024 là: 3.817.136.322 đồng x 10%/năm x 01 năm 06 tháng 26 ngày = 599.761.008 đồng.

Ngày 04/4/2024 Công ty L thanh toán 1.057.172.678 đồng. Số tiền lãi tính từ ngày 04/4/2024 đến hết ngày 27/6/2024 là: 2.759.963.744 đồng x 10%/năm x 85 ngày = 64.273.127 đồng

Như vậy, tổng tiền lãi là: 777.373.390 đồng.

Do việc hợp đồng các bên đã ký không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nên Công ty L tiếp tục phải chịu lãi chậm thanh toán từ ngày 28/6/2024 cho đến khi thanh toán xong tiền gốc cho nguyên đơn bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự theo Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng về lãi.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 84, 117, 137, 542, 552 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 3, 24, 34, 39, 50, 59, 306 Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

Buộc Công ty TNHH L phải trả cho Công ty TNHH A tổng số tiền là: 3.537.337.134 đồng, trong đó:

Số tiền nợ gốc là: 2.759.963.744 đồng.

Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02/7/2022 đến hết ngày 27/6/2024 là: 777.373.390 đồng.

Công ty TNHH L tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 kể từ ngày 28/6/2024 đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Công ty TNHH L phải chịu 102.746.743 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty TNHH A số tiền tạm ứng án phí 56.548.000 đồng tại biên lai ký hiệu: BLTU/23, số: 0000658 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thanh Ngọc

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Quang Hợi **Nguyễn Thị Liên** **Đỗ Thanh Ngọc**